

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 và ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-02-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02-03-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thúy N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn X, sinh năm 1978; Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Nhà trọ B, khu dân cư P, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 1 năm 2021, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy N trình bày:

Bà Trần Thị Thúy N và ông Phan Văn X tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 09-01-2001, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông X nhiều lần đánh đập bà N. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, do đó bà N đã chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống và làm việc, còn ông X chuyển đến tỉnh Bình Dương sinh sống, làm việc. Bà N và ông X đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông X.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Trọng Hải Đ, sinh năm 21/10/2002 và Phan Trọng Hải M, sinh ngày 25/7/2006. Con chung Phan Trọng Hải Đ đã trưởng thành bà N không yêu cầu giải quyết. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Trọng Hải M. Không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: Giấy chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu hộ khẩu; Giấy khai sinh con chung; Giấy đăng ký kết hôn; Bản photo: Sao kê tài khoản; Hợp đồng lao động.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phan Văn X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy N có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thúy N và bị đơn ông Phan Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 09-01-2001, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2001 nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo bà N trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, ông X nhiều lần đánh đập bà N. Mâu thuẫn trầm trọng không tự giải quyết được nên vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông X không đến Tòa án làm việc, tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện ông X không có thiện chí xây dựng gia đình. Hơn nữa, từ khi ly thân, ông X không đến thăm hỏi, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông X không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông X.

Về con chung: Theo bản trích lục khai sinh ngày 09-03-2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh thì bà N và ông X có 02 con chung tên Phan Trọng Hải Đ, sinh năm 21/10/2002 và Phan Trọng Hải M, sinh ngày 25/7/2006. Con chung Phan Trọng Hải Đ đã trưởng thành bà N không yêu giải quyết. Con chung Phan Trọng Hải M hiện nay đang sống cùng bà ngoại ở xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hàng tháng bà N gửi tiền về để chăm lo cuộc sống của con chung, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Ngoài ra theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng ngày 05/02/2020 thì cháu M có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu, giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: N không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông X. Giao con chung Phan Trọng Hải M, sinh ngày 25/7/2006 cho bà N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Phan Văn X.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy N được ly hôn với ông Phan Văn X.

- Về con chung: Giao con chung tên Phan Trọng Hải M, sinh ngày 25/7/2006 cho bà Trần Thị Thúy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thúy N về việc không yêu cầu ông Phan Văn X cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Thúy N chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0052325 ngày 06-04-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- THADS thị xã Tân Uyên;
- Dương sự;
- UBND T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan